

MỐI LIÊN QUAN GIỮA HỖ TRỢ XÃ HỘI VÀ SỰ HÀI LÒNG CỦA SINH VIÊN ĐIỀU DƯỠNG GÂY MÊ HỒI SỨC ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Đoàn Minh Nhựt^{1*}, Trần Thị Thu Hương²,
Lê Lưu Hoài Thu², Đỗ Ngọc Lợi²

TÓM TẮT

Mục tiêu: Khảo sát mối quan hệ giữa hỗ trợ xã hội đa diện và sự hài lòng của sinh viên về chương trình đào tạo Điều dưỡng Gây mê hồi sức tại Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh.

Phương pháp: Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang, được thực hiện trên 189 sinh viên Điều dưỡng Gây mê hồi sức đang học năm thứ hai, năm thứ ba và năm thứ tư tại Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu sử dụng thang đo Universal Nurse Survey of Anesthesia Satisfaction Scale (UNSASS) để đánh giá sự hài lòng của sinh viên Điều dưỡng Gây mê hồi sức với chương trình đào tạo và thang đo hỗ trợ xã hội đa diện MPSS. Hệ số tương quan Spearman được sử dụng để đánh giá mối liên quan giữa hỗ trợ xã hội và sự hài lòng của sinh viên.

Kết quả: Hỗ trợ từ thầy/cô có hệ số tương quan cao nhất với điểm hài lòng ($p = 0,346$; $p < 0,001$). Hỗ trợ từ bạn bè và gia đình cũng có mối liên quan tích cực ($p = 0,217$ và $0,191$; $p < 0,01$). Tuy mức độ liên quan không mạnh (R^2 thấp), kết quả cho thấy hỗ trợ xã hội có mối liên quan tích cực với sự hài lòng của sinh viên.

Kết luận: Sự hỗ trợ xã hội – đặc biệt từ giảng viên – có mối liên hệ chặt chẽ với mức độ hài lòng, trong khi hỗ trợ từ bạn bè và gia đình đóng vai trò bổ sung.

Từ khóa: Hỗ trợ xã hội đa diện, sự hài lòng của sinh viên, chương trình đào tạo điều dưỡng gây mê hồi sức, UNSASS, MSPSS

THE ASSOCIATION BETWEEN MULTIDIMENSIONAL SOCIAL SUPPORT AND NURSING STUDENTS' SATISFACTION WITH THE NURSE ANESTHESIA TRAINING PROGRAM

ABSTRACT

Objective: To examine the relationship between multidimensional social support and student

satisfaction with the Nurse Anesthesia training program at the University of Medicine and Pharmacy, Ho Chi Minh City.

Methods: A cross-sectional descriptive study was conducted on a sample of 189 second-, third-, and fourth-year nursing students specializing in anesthesia at the University of Medicine and Pharmacy, Ho Chi Minh City. The study utilized the Universal Nurse Survey of Anesthesia Satisfaction Scale (UNSASS) to assess students' satisfaction with the training program, and the Multidimensional Scale of Perceived Social Support (MSPSS) to evaluate perceived social support. Spearman's correlation coefficient was used to assess the association between social support and student satisfaction.

Results: Support from lecturers had the highest correlation coefficient with satisfaction scores ($p = 0.346$; $p < 0.001$). Support from friends and family was also positively associated with student satisfaction ($p = 0.217$ and 0.191 , respectively; $p < 0.01$). Although the strength of these associations was not strong (low R^2 values), the findings showed that social support was positively associated with student satisfaction.

Conclusion: Multidimensional social support—particularly from lecturers—was closely associated with student satisfaction, whereas support from peers and family played a complementary role.

Keywords: Multidimensional social support, student satisfaction, nurse anesthesia training program, UNSASS, MSPSS

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh giáo dục đại học tại Việt Nam đang chuyển mình mạnh mẽ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, các cơ sở đào tạo khối ngành sức khỏe – đặc biệt là ngành điều dưỡng – đang phải đối mặt với thách thức về việc đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo song song với đáp ứng kỳ vọng của người học. Trong đó, sự hài lòng của sinh viên đối với chương trình đào tạo được xem là một thước đo quan trọng, phản ánh không chỉ hiệu quả đào tạo mà còn ảnh hưởng đến mức độ gắn bó và cam kết nghề nghiệp trong tương lai [1], [2]. Đặc biệt,

1. Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh

2. Sinh viên Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh

* Tác giả liên hệ: Đoàn Minh Nhựt

Email: Doanminhnhut@ump.edu.vn

Điện thoại: Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài: 25/05/2026

Ngày phản biện: 14/07/2026

Ngày duyệt bài: 15/08/2026

ngành điều dưỡng gây mê hồi sức (ĐDGMHS) là một lĩnh vực có tính đặc thù cao, yêu cầu sinh viên phải được trang bị toàn diện từ lý thuyết chuyên môn đến kỹ năng lâm sàng chuyên sâu, nhằm đảm bảo an toàn và hiệu quả trong các tình huống phẫu thuật và hồi sức tích cực [3]. Tuy nhiên, tại Việt Nam, các nghiên cứu đánh giá sự hài lòng của sinh viên điều dưỡng chuyên sâu còn tương đối ít, đặc biệt khi xem xét mối liên quan với hỗ trợ xã hội. Trong bối cảnh đào tạo, gia đình, bạn bè và giảng viên là những nguồn hỗ trợ gần gũi, thường xuyên tương tác với sinh viên và có thể liên quan đến trải nghiệm học tập của người học. Vì vậy, nghiên cứu tập trung khảo sát hỗ trợ xã hội cảm nhận từ ba nguồn này và mối liên quan với sự hài lòng của sinh viên đối với chương trình đào tạo.

Hỗ trợ xã hội đa diện, bao gồm hỗ trợ từ gia đình, bạn bè và giảng viên, đã được chứng minh có vai trò trung gian trong nâng cao sự hài lòng, khả năng đối phó với áp lực học tập và cải thiện kết quả học tập trong nhiều nghiên cứu quốc tế [3],[4],[5]. Tại Việt Nam, thang đo hỗ trợ xã hội đa diện (MSPSS) đã được chuẩn hóa và áp dụng trong một số nghiên cứu y học [6], nhưng việc ứng dụng và đánh giá vai trò của yếu tố này trong lĩnh vực giáo dục điều dưỡng, đặc biệt tại chuyên ngành gây mê hồi sức, vẫn còn hạn chế. Do đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm khảo sát mối liên hệ giữa mức độ hỗ trợ xã hội đa diện và sự hài lòng học tập, qua đó đưa ra các gợi ý thực tiễn để cải thiện chất lượng chương trình đào tạo trong ngành học đặc thù này.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

2.1. Đối tượng nghiên cứu:

Sinh viên năm thứ hai, năm thứ ba và năm thứ tư ngành Điều dưỡng Gây mê hồi sức tại Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM).

2.1.1. Tiêu chí chọn mẫu:

Sinh viên ngành Điều dưỡng Gây mê hồi sức, các khóa 2021–2025, 2022–2026, 2023–2027, đang theo học tại Đại học Y Dược TP.HCM và đồng ý tham gia nghiên cứu.

2.1.2. Tiêu chuẩn loại trừ:

Sinh viên vắng mặt trong thời gian nghiên cứu (đang bảo lưu, bị đình chỉ học) hoặc không trả lời đầy đủ các câu hỏi khảo sát mặc dù đã liên hệ lần hai.

2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu:

Nghiên cứu được thực hiện từ ngày 12/2024 đến 06/2025 tại Khoa Điều dưỡng – Kỹ thuật y học, Đại học Y Dược TP.HCM.

2.3. Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang

Cỡ mẫu: Nghiên cứu thực hiện trên sinh viên điều dưỡng gây mê hồi sức, gồm năm thứ hai, năm thứ ba và năm thứ tư tại Đại học Y Dược TP.HCM. Sử dụng công thức ước lượng một tỉ lệ với dân số [7]

$$n = \frac{N}{1 + N \times e^2}$$

Trong đó:

n: cỡ mẫu nghiên cứu. N: quy mô tổng thể.

E: sai số cho phép (e = 0,05).

Dựa vào danh sách số lượng sinh viên theo thống kê danh sách sinh viên khoa Điều dưỡng – Kỹ thuật Y học Đại học Y Dược TP.HCM, các khóa 2021 – 2025, 2022 – 2026, 2023 – 2027. Ta có N = 356, vậy theo công thức trên ta tính được n = 189.

2.4. Phương pháp chọn mẫu

Sử dụng kỹ thuật chọn mẫu phân tầng theo số lượng SV điều dưỡng gây mê hồi sức theo từng năm học, cỡ mẫu từng tầng được tính theo phương pháp chọn mẫu tỷ lệ với phần trăm kích cỡ quần thể. Sau đó, nghiên cứu viên tiếp tục chọn mẫu tham gia nghiên cứu bằng phương pháp chọn ngẫu nhiên đơn. Số lượng mẫu cụ thể của năm học: năm thứ hai 60 SV, năm thứ ba 64 SV và năm thứ tư 65 SV.

2.5. Quy trình thu thập số liệu

Sau khi xác định các sinh viên được chọn tham gia nghiên cứu, nghiên cứu viên liên hệ và cung cấp thông tin về mục tiêu, nội dung nghiên cứu, quyền tự nguyện tham gia và bảo mật thông tin. Sinh viên đồng ý tham gia được hướng dẫn thống nhất cách trả lời và tự hoàn thành bộ câu hỏi gồm thông tin chung, thang đo UNSASS và MSPSS. Phiếu khảo sát được kiểm tra tính đầy đủ sau khi thu nhận; trường hợp chưa hoàn thành đầy đủ được liên hệ bổ sung. Những trường hợp vẫn không trả lời đầy đủ sau lần liên hệ thứ hai được loại khỏi nghiên cứu.

2.6. Công cụ thu thập số liệu

Thang đo gốc của tác giả Dennison trong nghiên cứu “Mức độ hài lòng trong học tập của SV Điều dưỡng” (UNSASS) [8]. Thang đo này đã được tác giả Nguyễn Quân chuẩn hóa sang tiếng Việt, trên đối tượng là SV điều dưỡng (Cronbach’s alpha là 0,95)[11]. Bộ câu hỏi gồm 48 câu, chia làm 4 phần: giảng dạy trên lớp (16 câu), giảng dạy lâm sàng (15 câu), thiết kế và phân bổ chương trình đào tạo (12 câu) và hỗ trợ và tài nguyên học tập (5 câu). Mỗi câu trả lời dựa trên thang đo Likert 5 mức độ từ

“rất không đồng ý” đến “rất đồng ý”. Điểm hài lòng chung được tính bằng cách lấy trung bình tổng điểm số phản hồi của các câu. Điểm càng lớn cho thấy mức độ hài lòng của sinh viên càng cao.

Thang đo Hỗ trợ xã hội đa diện (MSPSS): Sử dụng phiên bản 12 mục do Zimet và cộng sự phát triển (1988) [4], đo lường mức độ hỗ trợ xã hội mà sinh viên cảm nhận từ ba nguồn: gia đình, bạn bè và thầy/cô. Mỗi mục được đánh giá theo thang Likert 7 điểm, từ 1 = “hoàn toàn không đồng ý” đến 7 = “hoàn toàn đồng ý”. Thang đo đã được chuẩn hóa tại Việt Nam (Dương Bảo Yến) và có độ tin cậy Cronbach's $\alpha = 0,922$ [6] trong nghiên cứu này.

2.7. Phương pháp phân tích số liệu

Dữ liệu được xử lý bằng phần mềm Stata 14.0. Phân tích mô tả được sử dụng để trình bày đặc

điểm mẫu nghiên cứu và mức độ hài lòng của sinh viên. Mỗi liên hệ giữa mức độ hỗ trợ xã hội và sự hài lòng về chương trình đào tạo được đánh giá bằng hệ số tương quan Spearman. Mức ý nghĩa thống kê được xác định tại ngưỡng $p < 0,05$.

Kiểm soát sai số

Sai số được hạn chế bằng cách sử dụng công cụ khảo sát đã được chuẩn hóa, hướng dẫn thu thập số liệu thống nhất và để người tham gia tự điền phiếu. Phiếu khảo sát được kiểm tra tính đầy đủ và dữ liệu được rà soát trước khi phân tích.

2.8. Đạo đức trong nghiên cứu

Nghiên cứu được thông qua bởi Hội đồng Đạo đức trong Nghiên cứu Y sinh học tại Đại học Y Dược TP. HCM, quyết định số 735/ĐHYD - HĐĐĐ, ngày 12 tháng 02 năm 2025.

III. KẾT QUẢ

Bảng 1. Điểm trung bình sự hài lòng của SV về chương trình đào tạo

Sự hài lòng	Trung bình (Mean)	Độ lệch chuẩn (SD)
Giảng dạy trên lớp	3,48	0,79
Giảng dạy lâm sàng	3,62	0,71
Thiết kế và phân bố chương trình đào tạo	3,90	0,50
Hỗ trợ và tài nguyên học tập	3,33	0,60
Tổng điểm hài lòng chung	3,65	0,38

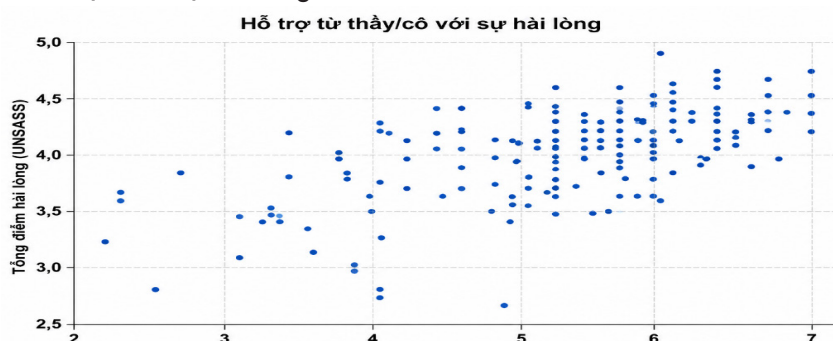
Điểm hài lòng chung của sinh viên là $3,65 \pm 0,38$. Trong các khía cạnh khảo sát, “Thiết kế và phân bố chương trình đào tạo” có điểm trung bình cao nhất ($3,90 \pm 0,50$), trong khi “Hỗ trợ và tài nguyên học tập” có điểm thấp nhất ($3,33 \pm 0,60$).

Bảng 2. Mối liên quan về sự hài lòng của sinh viên với mức độ hỗ trợ xã hội đa diện

Yếu tố	Giá trị trung bình (Mean $\pm$ SD)	Hệ số tương quan (ρ)	Giá trị p
Thầy cô	$3,65 \pm 0,38$	0,346	0,000 ^c
Gia đình	$3,65 \pm 0,38$	0,191	0,008 ^c
Bạn bè	$3,65 \pm 0,38$	0,217	0,003 ^c

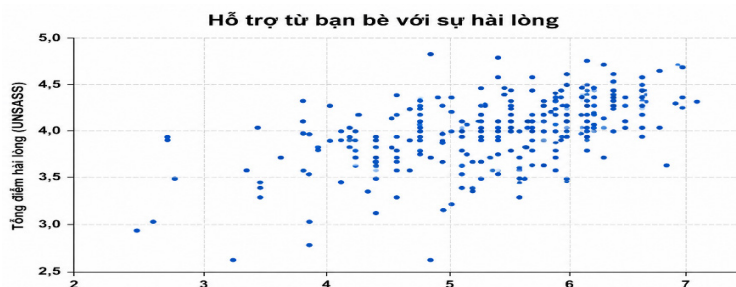
c tương quan Spearman

Hỗ trợ từ thầy/cô có tương quan thuận mức trung bình với sự hài lòng của sinh viên ($\rho = 0,346$; $p < 0,001$) và có hệ số tương quan cao nhất trong ba nguồn hỗ trợ. Hỗ trợ từ bạn bè ($\rho = 0,217$; $p = 0,003$) và gia đình ($\rho = 0,191$; $p = 0,008$) có tương quan thuận mức yếu với sự hài lòng. Nhìn chung, hỗ trợ xã hội có mối liên quan tích cực với sự hài lòng của sinh viên.



Hình 1. Biểu đồ thể hiện mối liên quan về sự hài lòng của sinh viên với mức độ hỗ trợ từ thầy/cô

Các điểm dữ liệu cho thấy xu hướng đồng biến giữa hai biến, trong đó phần lớn quan sát tập trung ở nhóm có mức hỗ trợ và điểm hài lòng tương đối cao. Phân tích tương quan Spearman cho thấy mối tương quan thuận mức trung bình giữa hỗ trợ từ thầy/cô và sự hài lòng của sinh viên ($\rho = 0,346$; $p < 0,001$).



Hình 2. Biểu đồ thể hiện mối liên quan về sự hài lòng của sinh viên với mức độ hỗ trợ từ bạn bè

Biểu đồ minh họa mối liên quan giữa mức độ hỗ trợ từ bạn bè và tổng điểm hài lòng của sinh viên. Các điểm dữ liệu cho thấy xu hướng đồng biến giữa hai biến, với phần lớn quan sát tập trung ở nhóm có mức hỗ trợ và điểm hài lòng trung bình đến cao. Phân tích tương quan Spearman cho thấy mối tương quan thuận mức yếu giữa hỗ trợ từ bạn bè và sự hài lòng của sinh viên ($\rho = 0,217$; $p = 0,003$).



Hình 3. Biểu đồ thể hiện mối liên quan về sự hài lòng của sinh viên với mức độ hỗ trợ từ gia đình

Biểu đồ minh họa mối liên quan giữa mức độ hỗ trợ từ gia đình và tổng điểm hài lòng của sinh viên. Các điểm dữ liệu cho thấy xu hướng đồng biến giữa hai biến, trong đó phần lớn quan sát tập trung ở nhóm có mức hỗ trợ từ gia đình tương đối cao. Phân tích tương quan Spearman cho thấy mối tương quan thuận mức yếu giữa hỗ trợ từ gia đình và sự hài lòng của sinh viên ($\rho = 0,191$; $p = 0,008$).

IV. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy điểm hài lòng chung của sinh viên Điều dưỡng Gây mê hồi sức là $3,65 \pm 0,38$, trong đó “Thiết kế và phân bố chương trình đào tạo” có điểm cao nhất ($3,90 \pm 0,50$), còn “Hỗ trợ và tài nguyên học tập” thấp nhất ($3,33 \pm 0,60$). Kết quả này có thể liên quan đến đặc thù chương trình Điều dưỡng Gây mê hồi sức, trong đó nội dung đào tạo cần được tổ chức theo trình tự từ kiến thức nền tảng đến kỹ năng chuyên môn và thực hành lâm sàng. Sự liên kết rõ ràng giữa các nội dung học với yêu cầu nghề nghiệp có thể góp phần tạo nên đánh giá tích cực của sinh viên đối với cấu trúc chương trình. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Nguyen Truong và cộng sự [9]. Một nghiên cứu quốc tế năm 2025 cũng cho thấy cấu trúc chương trình, chiến lược giảng dạy, tương tác với giảng viên và môi trường học tập là những thành phần quan trọng liên quan đến sự hài lòng của sinh viên điều dưỡng [13].

Hỗ trợ từ giảng viên có tương quan thuận mức trung bình với sự hài lòng của sinh viên ($\rho = 0,346$; $p < 0,001$) và có hệ số tương quan cao nhất trong ba nguồn hỗ trợ được khảo sát. Điều này có thể được lý giải bởi vai trò trực tiếp của giảng viên trong giảng dạy, hướng dẫn kỹ năng, phản hồi và hỗ trợ sinh viên trong thực hành lâm sàng. Đặc biệt, môi trường Điều dưỡng Gây mê hồi sức đòi hỏi sinh viên thích nghi với phòng mổ, thiết bị chuyên môn, quy trình an toàn và hoạt động phối hợp liên ngành. Nghiên cứu của Hedlund và cộng sự năm 2024 cũng cho thấy quá trình học của sinh viên điều dưỡng gây mê trong phòng mổ chịu ảnh hưởng đáng kể bởi sự hướng dẫn, tương tác với người giám sát và môi trường thực hành [12]. Tuy nhiên, hệ số tương quan ở mức trung bình và thiết kế cắt ngang chỉ cho phép xác định mối liên quan, không chứng minh hỗ trợ từ giảng viên làm tăng sự hài lòng.

Hỗ trợ từ bạn bè ($\rho = 0,217$) và gia đình ($\rho = 0,191$) có tương quan thuận mức yếu với sự hài lòng. Mức tương quan thấp hơn so với giảng viên có thể do gia đình và bạn bè chủ yếu cung cấp hỗ trợ về cảm xúc và xã hội, trong khi giảng viên tham gia trực tiếp hơn vào những trải nghiệm mà sinh viên sử dụng để đánh giá chương trình đào tạo. Nghiên cứu của Shnaider và cộng sự năm 2024 cũng ghi nhận hỗ trợ từ gia đình, bạn bè và sự hỗ trợ trong môi trường lâm sàng có liên quan đến sự hài lòng của sinh viên điều dưỡng [11].

“Hỗ trợ và tài nguyên học tập” có điểm trung bình thấp nhất. Điều này cho thấy đây là khía cạnh được sinh viên đánh giá thấp hơn tương đối, nhưng nghiên cứu chưa đủ dữ liệu để xác định nguyên nhân cụ thể. Trong đào tạo Điều dưỡng Gây mê hồi sức, các nguồn lực hỗ trợ có thể liên quan đến tài liệu học tập, cơ hội thực hành, phương tiện mô phỏng và khả năng tiếp cận người hướng dẫn; do đó cần có nghiên cứu sâu hơn để xác định thành phần nào cần ưu tiên cải thiện.

Nhìn chung, sự hài lòng của sinh viên Điều dưỡng Gây mê hồi sức có thể liên quan đồng thời đến cấu trúc chương trình, môi trường học tập và các nguồn hỗ trợ xã hội. Trong ba nguồn được khảo sát, hỗ trợ từ giảng viên có mối tương quan rõ hơn, nhưng mức độ tương quan chưa mạnh và không thể diễn giải theo hướng nhân quả.

Hạn chế

Nghiên cứu có một số hạn chế. Thiết kế cắt ngang không cho phép suy luận quan hệ nhân quả giữa hỗ trợ xã hội và sự hài lòng. Nghiên cứu được thực hiện tại một cơ sở đào tạo nên khả năng khái quát còn hạn chế. Ngoài ra, nghiên cứu chỉ khảo sát ba nguồn hỗ trợ gồm gia đình, bạn bè và giảng viên, chưa phản ánh đầy đủ các nguồn hỗ trợ khác trong môi trường đào tạo.

V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu xác nhận rằng mức độ hài lòng của sinh viên ngành Điều dưỡng Gây mê hồi sức tại Đại học Y Dược TP.HCM là tương đối cao, đặc biệt đối với cấu trúc chương trình đào tạo. Sự hỗ trợ xã hội – đặc biệt từ giảng viên – có mối liên hệ chặt chẽ với mức độ hài lòng, trong khi hỗ trợ từ bạn bè và gia đình đóng vai trò bổ sung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Nguyễn Quân (2023).** Sự hài lòng của sinh viên điều dưỡng về chương trình đào tạo tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch. *Tạp Chí Khoa Học Điều Dưỡng*; 6(05):34–47.
2. **Hồ Thị Lan Vi (2020).** Khảo sát sự hài lòng về môi trường học tập lâm sàng của sinh viên Điều dưỡng Trường Đại học Duy Tân. *Tạp chí Khoa*

học và Công nghệ Duy Tân. Trường Đại học Duy Tân; (4), 124 -126

3. **Ryan, A. (2021).** Nursing students' experience of academic learning in a Cambodian School of Nursing. *Journal of Cambodian Health*, 1(1), 1–16.
4. **Zimet, G. D., Dahlem, N. W., Zimet, S. G., & Farley, G. K. (1988).** The Multidimensional Scale of Perceived Social Support. *Journal of Personality Assessment*, 52(1), 30–41.
5. **Dube, M. B., & Mlotshwa, P. R. (2018).** Factors influencing enrolled nursing students' academic performance at a selected private nursing education institution in KwaZulu-Natal. *Curationis*, 41(1), a1828.
6. **Dương Bảo Yến, Huỳnh Thị Ngọc Vân, Nguyễn Như Vinh, Tô Gia Kiên (2023).** Hỗ trợ xã hội và rối loạn căng thẳng sau sang chấn ở người hậu COVID-19 tại Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp Chí Nghiên cứu Y học*, 168(7), 237-248.
7. **Tuấn VV, Hương NT, Minh LNB (2021).** Teacher-Student Relationship Harmony And Student Learning Outcomes Imprinted By Teacher Classroom Management Styles At A Higher Education Institution. *TNU J Sci Technol*. 226(13):91–97.
8. **Dennison, S., & El-Masri, M. M. (2012).** Development and Psychometric Assessment of the Undergraduate Nursing Student Academic Satisfaction Scale (UNSASS). *Journal of Nursing Measurement*, 20(2), 75–89.
9. **Nguyen Truong, A., et al. (2023).** Satisfaction of medical students with the training program at Hue University of Medicine and Pharmacy, Hue University. *Journal of Medicine and Pharmacy*, 2023, 98–106.
10. **Tuấn, V. V., Hương, N. T., & Minh, L. N. B. (2021).** Teacher-Student Relationship Harmony and Student Learning Outcomes Imprinted by Teacher Classroom Management Styles at a Higher Education Institution. *TNU Journal of Science and Technology*, 226(13), 91–97.
11. **Shnaider N, et al.** The role of perceived stress and social support in nursing students' satisfaction with their initial clinical placement. 2024.
12. **Hedlund J, Blomberg K, Hjelmqvist H, Jaensson M.** Nurse anaesthetists' experiences of student nurse anaesthetist learning during clinical practice: a qualitative interview study. *BMC Nursing*. 2024;23:141.
13. **Chaudhary AK, et al.** Students' satisfaction with the nursing program studying at Tribhuvan University's Institute of Medicine, Nepal. *BMC Medical Education*. 2025.